

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2024/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành
Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; về trang phục, Thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành và bảo đảm phương tiện, công cụ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục được giao

thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Thanh tra và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên trở lên.

2. Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành ban hành Quyết định phân công, thôi phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo đề nghị của Trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành của Cục. Mẫu Quyết định phân công, thôi phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 4. Thẻ thanh tra chuyên ngành

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành để sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm bảo quản, sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật, không sử dụng Thẻ vào mục đích cá nhân, không sử dụng Thẻ của người khác hoặc cho người khác mượn Thẻ để sử dụng.

3. Thời hạn sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành không quá 05 năm kể từ ngày cấp, bao gồm Thẻ cấp mới, cấp đổi, cấp lại theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

4. Trường hợp mất, hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành báo cáo Cục trưởng để làm thủ tục cấp đổi, cấp lại Thẻ theo quy định.

5. Người được cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành khi không còn được tiếp tục phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thì phải nộp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành cho Cục trưởng.

Điều 5. Mẫu Thẻ thanh tra chuyên ngành

1. Mẫu Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mã số Thẻ thanh tra chuyên ngành:

Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được cấp một (01) mã số Thẻ thanh tra chuyên ngành. Mã số Thẻ thanh tra chuyên ngành gồm ba phần, giữa các phần có dấu gạch ngang ký hiệu như sau: A33-X-Y (được in bằng chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 10).

Phần thứ nhất gồm một chữ cái in hoa và hai chữ số: A33.

Phần thứ hai gồm ký hiệu chữ X in hoa tương ứng với các chữ số từ 1 đến 6 (X=1-6) để phân biệt cơ quan sử dụng người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, cụ thể như sau: X=1: ký hiệu của Cục Báo chí; X=2: ký hiệu của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử; X=3: ký hiệu của Cục Tần số vô tuyến điện; X=4: ký hiệu của Cục Viễn thông; X=5: ký hiệu của Cục Xuất bản, In và Phát hành; X=6: ký hiệu của Cục An toàn thông tin.

Phần thứ ba gồm ký hiệu chữ Y in hoa tương ứng với số thứ tự cấp Thẻ từ 1 đến n (Y=1-n) của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Ví dụ: Mã số Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử là: A33-2-1.

3. Mã số Thẻ thanh tra chuyên ngành không thay đổi trong trường hợp người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được điều động, luân chuyển trong cùng một cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Thẻ thanh tra chuyên ngành được ép nhựa bảo vệ bên ngoài hoặc bằng vật liệu PET.

Điều 6. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành

1. Cấp mới Thẻ thanh tra chuyên ngành đối với công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này và được Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

2. Cấp đổi Thẻ thanh tra chuyên ngành trong các trường hợp sau đây:

a) Thẻ hết hạn sử dụng;

b) Thẻ đang sử dụng bị hư hỏng;

c) Thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng người được cấp Thẻ thay đổi chức vụ, ngạch công chức hoặc chuyển công tác sang cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khác thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc lý do khác dẫn đến phải thay đổi thông tin của người được cấp ghi trên Thẻ;

d) Khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mẫu Thẻ mới thay thế mẫu Thẻ cũ.

3. Cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành trong trường hợp người đã được cấp Thẻ bị mất Thẻ do những nguyên nhân khách quan và không thuộc các trường hợp bị thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp người đã được cấp Thẻ bị mất Thẻ do vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này thì không được cấp lại Thẻ. Thẻ được cấp lại có thời hạn sử dụng và mã số Thẻ như Thẻ đã được cấp trước đó.

4. Hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành bao gồm:

a) Công văn đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành của Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành kèm theo Danh sách tổng hợp thông tin của người được đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành. Mẫu Công văn đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với trường hợp cấp lại Thẻ thì người được cấp Thẻ có Đơn đề nghị cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành theo mẫu Đơn được quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) 02 ảnh màu chân dung cá nhân nền xanh (cỡ 20mm x 30mm) của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, ảnh chụp không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (ghi rõ họ tên, cơ quan phía sau ảnh).

c) Quyết định phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu treo của cơ quan), trừ trường hợp đề nghị cấp lại, cấp đổi khi Thẻ hết hạn sử dụng, Thẻ đang sử dụng bị hư hỏng.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp đổi, cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành của các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thanh tra Bộ có trách nhiệm tổng hợp và trình Bộ trưởng xem xét, ký Quyết định cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành theo mẫu Quyết định cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp không cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành theo hồ sơ đề nghị của Cục, Thanh tra Bộ phải có văn bản trả lời Cục và nêu rõ lý do không cấp Thẻ.

6. Văn phòng Bộ có trách nhiệm in Thẻ thanh tra chuyên ngành sau khi được Bộ trưởng phê duyệt và bàn giao Thẻ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Bộ.

7. Thanh tra Bộ có trách nhiệm tiếp nhận, bàn giao Thẻ thanh tra chuyên ngành cho các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

8. Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành chịu trách nhiệm về thông tin, hồ sơ của người được đề nghị cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành; quản lý, bàn giao, giám sát việc sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành của người được cấp thuộc đơn vị mình quản lý.

Điều 7. Thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành

1. Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có văn bản gửi Thanh tra Bộ đề nghị thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo mẫu Công văn đề nghị thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thanh tra Bộ có trách nhiệm tổng hợp và trình Bộ trưởng xem xét, ký Quyết định thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành. Mẫu Quyết định thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật mà chưa có quyết định xử lý;

b) Đang trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác để xem xét xử lý kỷ luật;

c) Bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam.

4. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bị thu hồi Thẻ Thanh tra chuyên ngành trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác hoặc không được tiếp tục giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành hoặc nghỉ hưu, thôi việc; chết khi đang trong thời gian công tác;

b) Bị Tòa án kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực pháp luật hoặc bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc;

c) Bị mất năng lực hành vi dân sự.

5. Sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh người được cấp Thẻ không vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ hoặc hết thời hạn xử lý kỷ luật, Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có văn bản gửi Thanh tra Bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành. Mẫu Quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Kinh phí in phôi, in Thẻ, cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành

1. Kinh phí in phôi, in Thẻ, cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành được sử dụng từ ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Thanh tra Bộ căn cứ nhu cầu thực tế hàng năm xây dựng dự toán kinh phí in phôi, in Thẻ, cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành gửi Văn phòng Bộ tổng hợp vào dự toán kinh phí hàng năm của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương III

ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 9. Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành hàng năm cho Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia hoạt động thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

2. Thanh tra Bộ chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành sau khi được phê duyệt.

3. Ưu tiên người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang công tác tại đơn vị tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành.

Điều 10. Đảm bảo phương tiện, công cụ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành

Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết cho hoạt động thanh tra, bao gồm: máy tính, điện thoại, máy tính bảng, máy ghi âm, ghi hình; công cụ để thu thập chứng cứ, bằng chứng phục vụ cho công tác thanh tra, xử lý vi phạm (tài khoản sử dụng dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền, SIM, thẻ dịch vụ viễn thông, dịch vụ chuyển phát thư, gói kiện, hàng hóa, mua xuất bản phẩm).

Điều 11. In, cấp phát Sổ nhật ký Đoàn thanh tra

1. Việc in Sổ nhật ký Đoàn thanh tra được thực hiện mỗi năm một lần.

2. Mẫu Sổ nhật ký Đoàn thanh tra thực hiện theo quy định của Thanh tra Chính phủ.

3. Hàng năm, Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành căn cứ chương trình kế hoạch thanh tra và nhu cầu của các Cục, tổng hợp và đăng ký số lượng Sổ nhật ký Đoàn thanh tra cần in gửi Văn phòng Bộ.

4. Văn phòng Bộ in và bàn giao Sổ nhật ký Đoàn thanh tra cho Thanh tra Bộ để quản lý và cấp phát cho các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

5. Cục trưởng các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm đăng ký số lượng, tiếp nhận, quản lý và bàn giao Sổ nhật ký Đoàn thanh tra cho các Đoàn thanh tra thuộc thẩm quyền của Cục để sử dụng theo quy định.

Điều 12. Kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, đảm bảo phương tiện, công cụ cho hoạt động thanh tra, in Sổ nhật ký Đoàn thanh tra

Kinh phí bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, đảm bảo phương tiện, công cụ cho hoạt động thanh tra, in Sổ nhật ký Đoàn thanh tra được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương IV

**TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

Điều 13. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

1. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành quy định tại Thông tư này bao gồm: quần, áo (thu đông, xuân hè); áo măng tô; thắt lưng da; giày da; dép quai hậu; bút tất; cà vạt; quần, áo mưa; ủng cao su; cặp tài liệu; mũ kêpi; sao mũ; cảnh tùng; biển tên, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm.

2. Căn cứ điều kiện vùng miền cụ thể và đặc thù công tác, Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thể xem xét quyết định chuyển đổi trang phục áo măng tô thành quần, áo xuân hè hoặc ngược lại để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 14. Quy cách, màu sắc trang phục nam

1. Áo măng tô:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu: TW8058-1; kiểu dệt: chéo 3/1; tỷ lệ: PW45/55; mật độ: dọc 360s/cm; ngang 270s/10cm²; Trọng lượng: 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Cúc áo: Cúc nhựa 20mm và 15mm.

d) Kiểu dáng: Kiểu áo choàng Nam 2 lớp có lót, cổ cài không bẻ ve, thân trước có ép mex mừng, nẹp áo đính 5 cúc nhựa 20mm (có 4 cúc cài ngầm), 2 bên sườn thân trước có 2 túi coi, miệng túi chéo, thân sau áo có xẻ sống sau. Tay áo kiểu veston có cá tay, mỗi bên đính 1 cúc nhựa 15mm. Vai áo có đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu, có ken vai.

2. Áo thu đông (Veston):

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu: TW8058-1; kiểu dệt: chéo 3/1; tỷ lệ: PW45/55; mật độ: dọc 360s/cm; ngang 270s/10cm²; trọng lượng: 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Cúc áo: Cúc nhựa 20mm và 15mm.

d) Kiểu dáng: Kiểu áo khoác ngoài 2 lớp có lót, cổ bẻ, ve cổ hình chữ “V”, kiểu ve dài, nẹp áo đính 3 cúc nhựa 20mm, vai áo có đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu. Thân trước dáng Vest, gót nẹp vuông, ngực bên trái có 01 túi coi bỏ, có độ chéch 5mm, hai túi dưới vạt áo bỏ viền có nắp, kiểu nắp túi tròn 2 góc, tay áo kiểu vest, có xẻ tay, thùa khuyết và đính 4 cúc nhựa 15mm. Thân sau có sống sau, xẻ 2 bên sườn, có đính ken vai 2 bên, dưới gằm nách bên trong có 2 túi lót. Toàn bộ cổ áo, nắp túi, thân trước áo được dựng bằng mex.

3. Quần thu đông, quần xuân hè:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu: TW8058-1; kiểu dệt: chéo 3/1; tỷ lệ: PW45/55; mật độ: dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng: 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Kiểu dáng: quần âu, kiểu cạp rời, 2 túi sườn chéo, thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau mỗi bên có 1 ly chìm, quần có 2 túi hậu, kiểu miệng túi 2 viền, giữa miệng túi được thùa 1 cúc nhựa 15mm. Đầu cạp kiểu quai nhê nhọn, có 1 móc inox và 1 cúc nhựa 15mm. Cạp được ép mex vải cứng, bên trong cạp lót được gắn dây cao su để giữa cố định áo khi sovin, có 6 dây đĩa để gài dây lưng. Gấu quần có mặt nguyệt.

4. Áo sơ mi dài tay thu đông:

a) Chất liệu: vải pôpơlin 8151 PE/VIS; tỷ lệ: 65/35; mật độ: dọc 320s/10cm²; ngang 286s/10cm²; trọng lượng: 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng, nẹp bong, nẹp áo đính 7 cúc nhựa 12mm, cửa tay có măng séc vát góc, xếp 2 ly lật về phía thếp tay. Thân trước có 1 túi ộp, thân sau có cầu vai rời, chân cầu vai được chếp lý 2 bên. Kiểu gấu áo bằng.

5. Áo sơ mi dài tay xuân hè:

a) Chất liệu: vải pôpơlin 8151 PE/VIS; tỷ lệ: 65/35; mật độ: dọc 320s/10cm²; ngang 286s/10cm²; trọng lượng: 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng, nẹp bong, đính 7 cúc nhựa 12mm. Thân trước có 2 túi ngực được đính cúc nhựa 12mm, nắp túi áo thiết kế theo hình cong cánh nhọn, góc đáy túi tròn 2 bên, giữa bì túi có đố túi. Vai áo mỗi bên có 2 đĩa vai 8mm

để cài cấp hiệu. Thân sau cầu vai chắp, mỗi bên xếp 1 ly, tay dài có măng séc vát góc, xếp 2 ly lật về phía thép tay. Kiểu gấu áo bằng.

6. Áo sơ mi ngắn tay xuân hè:

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ: 65/35; mật độ dọc 320s/10cm²; ngang 286s/10 cm²; trọng lượng 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng, nẹp bong, đính 7 cúc nhựa 12mm. Thân trước có 2 túi ngực được đính cúc nhựa 12mm, nắp túi áo thiết kế hình cong cánh nhận, góc đáy túi tròn 2 bên, giữa bị túi có đố túi. Vai áo mỗi bên có 2 đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu. Thân sau cầu vai chắp, mỗi bên xếp ly, tay ngắn, cửa tay may gập vào trong. Kiểu gấu áo bằng.

7. Giày da:

a) Chất liệu: đế PU; da nappa màu đen; độ dày: 1,4mm ÷ 1,6mm; độ bền kéo đứt: (Mpa) ≥ 16; (N/cm²) ≥ 1100; độ cứng: shore A 60 ± 5;

b) Kiểu dáng: Kiểu oxford, mũi giày trơn; nẹp có 4 cặp lỗ để buộc dây trang trí, phần thân giày đệm mút xốp tạo độ êm, mang trong và mang ngoài có gắn chun co giãn; mũi giày làm bằng da nappa, mềm dẻo, bóng mờ, vân da mịn màng, lót giày, lót đế trong mặt giày bằng da bò màu kem; đế được sản xuất bằng chất liệu PU gót cao 4 cm đúc định hình; mặt đế có hoa văn chống trơn trượt.

8. Dép quai hậu:

a) Chất liệu: da nappa màu đen; độ dày: 1,2mm ÷ 1,4mm; độ bền kéo đứt: (Mpa) ≥ 18; (N/cm²) ≥ 3.

b) Kiểu dáng: quai ngang; đế cao 3cm, có chốt cài.

Điều 15. Quy cách, màu sắc trang phục nữ

1. Áo măng tô:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Cúc áo: Cúc nhựa 20mm và 15mm.

c) Kiểu dáng: Áo khoác ngoài 2 lớp có lót, thiết kế kiểu 6 mảnh, cổ bẻ chữ V. Nẹp áo đính 4 cúc nhựa 20mm. Vai áo có đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu, có ken vai. Thân trước bỏ mảnh từ trên vai xuống, phía dưới eo may 2 túi coi chéo, bên trong thân trước bên phải có 1 túi lót dọc theo nẹp áo. Thân sau có chắp sống lưng, xẻ sau. Tay kiểu 2 mang có cá tay, đính 1 cúc 15mm. Toàn bộ nẹp áo, túi áo, thân áo có dựng mex.

2. Áo thu đông (Veston):

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Cúc áo: Cúc nhựa 20mm và 15mm.

d) Kiểu dáng: áo khoác ngoài 2 lớp có lót, kiểu 8 mảnh gót nẹp vuông, cổ bẻ, ve cổ hình chữ “V”. Nẹp áo đính 3 cúc nhựa 20mm. Hai túi dưới vạt áo bờ viền có nắp, kiểu nắp túi tròn 2 góc. Tay áo kiểu vest, có đính 3 cúc nhựa 15mm. Vai áo có đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu. Thân sau có sống lưng, không xẻ sau, vai áo đính ken vai. Toàn bộ áo, nắp túi, cổ áp dụng bằng mex.

3. Quần thu đông, quần xuân hè:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Kiểu dáng: quần âu, kiểu cạp rời, 2 túi sườn chéo; thân trước không ly, thân sau mỗi bên chiết một ly chìm. Đầu cạp quần kiểu quai nhê, phía trong đầu cạp được đính 1 móc inox và 1 cúc nhựa 15mm. Cạp quần được thiết kế cong được ép mex vải cứng, có 6 dây đĩa được đính gấp 2 lần. Cửa quần may khóa kéo bằng nhựa và 1 cúc nhựa nằm trong. Gấu quần được vắt chìm bên trong.

4. Juyp:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Kiểu dáng: kiểu juyp hình chữ “A,” cạp may rời, bản cạp cong; thân trước có 2 túi chéo, có 2 đường gân thẳng từ cạp xuống gấu; thân sau sử dụng khóa giọt lệ và có xẻ sau; juyp có lót.

5. Áo sơ mi dài tay thu đông:

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ 65/35; mật độ dọc 320s/10cm²; ngang 286s/10cm²; trọng lượng 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng, nẹp rời, nẹp đính 7 cúc nhựa 12mm, cửa tay có măng séc đính 01 cúc nhựa 12mm. Thân trước có 2 ly eo và 2 ly gằm nách, thân sau có 2 lý chiết eo.

6. Áo sơ mi dài tay xuân hè:

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ 65/35; mật độ dọc 320s/10cm²; ngang 286s/10cm²; trọng lượng 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: kiểu áo sơ mi dài tay cổ bẻ; chiết ly eo trước; cửa tay áo viền vào trong; có hai túi ở phía dưới của thân trước; có bật vai đeo cấp hiệu; gấu áo vạt bầu (kiểu 1).

Kiểu áo sơ mi dài tay cổ đứng; thân trước may 2 túi ngực ốp ngoài, giữa bị túi dán đố, góc đáy túi tròn; có măng séc, thép tay bơi chèo thân sau may chắp sống lưng, cửa tay may măng séc; chiết ly eo trước, có bật vai đeo cấp hiệu; gấu áo vạt bầu (kiểu 2).

7. Áo sơ mi ngắn tay xuân hè:

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ: 65/35; mật độ: dọc 320s/10cm² ngang 286s/10cm²; trọng lượng: 145g/m².

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng, nẹp áo đính 7 cúc nhựa 12mm. Vai áo có đĩa vai 8mm để cài cấp hiệu. Tay ngắn, cửa tay may gập vào trong. Thân trước có 2 ly eo và 2 ly gằm nách, thân sau có 2 ly chiết eo.

8. Giày da:

a) Chất liệu: Đế PU; da nappa màu đen; độ dày: 1,4mm ÷ 1,6mm; độ bền kéo đứt: (Mpa) ≥ 16; (N/cm²) ≥ 1100; độ cứng: shore A 60 ± 5;

b) Kiểu dáng: kiểu oxford, mũi giày trơn. Mũi giày làm bằng da nappa, mềm dẻo, bóng mờ, vân da mịn màng, lót giày, lót đế trong mặt giày bằng da bò. Đế được sản xuất bằng chất liệu PU gót cao 5 cm đúc định hình. Mặt đế có hoa văn chống trơn trượt.

9. Dép quai hậu:

a) Chất liệu: da nappa màu đen; độ dày: 1,2mm ÷ 1,4mm; độ bền kéo đứt: (Mpa) ≥ 18; (N/cm²) ≥ 3.

b) Kiểu dáng: quai đan chéo; đế cao 5cm.

Điều 16. Quy cách, màu sắc trang phục khác được trang bị chung cho nam và nữ

1. Quần, áo mưa:

a) Chất liệu: vải polyester tráng nhựa; độ dày: 0,2mm/m² ± 0,01; trọng lượng: 230g/m² ± 10; độ bền kéo đứt bằng vải (N) dọc ≥ 700, ngang ≥ 370.

b) Màu sắc: xanh sẫm (cỏ úa);

c) Kiểu dáng: kiểu măng tô cổ bẻ, ngực có nẹp che khóa, đóng cúc bấm; thân trước liền, thân sau cầu vai rời, lót cầu vai bằng vải lưới thoát khí; tay kiểu một

mang liền, cổ tay may chun; mũ rời có gắn với áo bằng cúc bấm; các đường may chắp dán bằng keo bên trong chống thấm nước.

2. Cà vạt:

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len, ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360s/10cm²; ngang 270s/10cm²; trọng lượng 245g/m².

b) Màu sắc: xanh rêu đậm.

c) Kiểu dáng: có độ dài rộng vừa phải, kiểu thắt sẵn, có khóa kéo, có chót hãm tự động.

3. Bít tất:

a) Chất liệu sợi cotton tổng hợp: cotton 40%; acrylic 23%; spandex 37%; trọng lượng: 45 ± 2g/đôi; chất dệt kim len co giãn; kiểu dệt rip và single;

b) Màu sắc: màu lông chuột.

c) Kiểu dáng: cổ tất lửng.

4. Thắt lưng da:

a) Chất liệu: dây lưng làm bằng da kíp mặng bò cật; màu đen; khóa bằng hợp kim nhôm đúc liền khối; trọng lượng khóa dây lưng: 72g ± 5g; độ dày dây lưng: 2,8 mm ÷ 3mm;

b) Kiểu dáng: thân khóa và mặt khóa mạ màu trắng, giữa mặt khóa có biểu tượng hình tròn có ngôi sao 5 cánh, phía dưới là bánh xe lịch sử in dòng chữ “TTVN”, vành tròn ngoài là 2 cành lá ô liu. Dây lưng làm bằng da được vuốt cạnh, cuối dây cắt tròn. Mặt trong cuối dây được lăn rãnh trượt.

5. Biển tên:

a) Chất liệu: đồng vàng tám dày 0.6mm; kim cài bằng hợp kim không gỉ; trọng lượng: 10g ± 1;

b) Màu sắc: màu xanh dương.

c) Kiểu dáng: làm bằng đồng tám, mặt phủ sơn màu xanh dương. Chiều dài 80mm, chiều rộng 22mm; độ rộng đường viền 01mm; khoảng cách từ mép trong đường viền đến phù hiệu là 03mm; phía trên trái là phù hiệu ngành Thông tin và Truyền thông có đường kính 15 mm, phần bên phải có 3 dòng chữ: dòng trên cùng là tên cơ quan, dòng thứ 2 là họ tên người sử dụng, dòng thứ 3 là chức vụ/chức danh/ngạch công chức của người sử dụng.

d) Biển tên được gắn tại mép trên túi áo phía bên trái trên trang phục áo của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành. Mẫu biển tên được quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cặp tài liệu:

a) Chất liệu: da màu đen có khóa số; độ dày: $1,4\text{mm} \pm 1,6\text{mm}$; độ bền kéo đứt: $(\text{Mpa}) \geq 16$, $(\text{N/cm}^2) \geq 1100$; cặp được dập chìm lô gô biểu tượng ngành TTNN.

b) Kiểu dáng: có quai xách và dây đeo.

7. Cúc cấp hiệu:

a) Chất liệu: đồng vàng tấm dày 0.8mm; chân cúc bu lông và êcu bằng đồng M2;

b) Màu sắc: màu trắng bóng;

c) Quy trình mạ: mạ đồng lót tiếp đến mạ niken và cuối cùng mạ crôm.

d) Kiểu dáng: hình tròn có ngôi sao ở giữa 2 cánh tùng.

8. Cành tùng:

a) Chất liệu: đồng vàng tấm dày 0.7mm; chân gài bằng đồng 15mm x 3mm; trọng lượng 1 cái: $6\text{g} \pm 0.4$;

b) Màu sắc: màu trắng bóng;

c) Quy trình mạ: mạ đồng lót, tiếp đến mạ niken và cuối cùng mạ crôm.

d) Kiểu dáng: dáng thẳng, gồm 11 lá và 07 quả.

9. Sao mũ:

a) Chất liệu: đồng vàng tấm dày 0.8mm; chân cúc bu lông và êcu bằng đồng M4;

b) Màu sắc: màu trắng bóng;

c) Quy trình mạ: mạ đồng lót, tiếp đến mạ niken, mạ crôm và cuối cùng phủ bóng bảo vệ bề mặt; sơn men kính màu đỏ đụn; nền giữa và 2 vành khăn sơn màu xanh; bánh xe lịch sử sơn màu vàng.

d) Kiểu dáng: vành sao mũ là cành tùng, ở giữa biểu tượng hình tròn đỏ là ngôi sao 5 cánh màu vàng, phía dưới là bánh xe lịch sử màu vàng in dòng chữ "TTVN", vành tròn ngoài là 2 cánh lá ô liu màu vàng trên nền màu xanh.

10. Mũ kêpi:

a) Chất liệu, màu sắc mũ kêpi: vỏ mũ bằng vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1, màu xanh rêu đậm; dây trang trí lõi bằng sợi peco chỉ số 34Nm màu vàng sẫm, bọc lõi bằng sợi kim tuyến; dụng cầu chống trán bằng nhựa nguyên chất màu trắng; lưỡi trai bằng nhựa bọc nhung viền giả da màu đen; cúc mũ kêpi được làm bằng đồng vàng tấm dày 0.6mm, hàn chân gài bằng đồng đỏ đường kính 0.8mm, dài 15mm; mạ màu trắng bóng; quy trình mạ: mạ đồng lót, tiếp đến mạ niken và cuối cùng mạ crôm;

b) Chất liệu và quy trình mạ cành tùng mũ kêpi: cành tùng mũ kêpi được làm bằng đồng vàng tấm dày 0.8mm, hàn 4 chân gài bằng đồng đỏ đường kính 0.8mm,

dài 15mm; cạnh từng mũ kêpi mạ màu trắng bóng; quy trình mạ: mạ đồng lót, tiếp đến mạ niken và cuối cùng mạ crôm;

c) Kiểu dáng mũ kêpi: mặt mũ cao, vành mũ cong, đỉnh và cầu mũ được làm cùng một loại vải; mũ kêpi phong hình tròn, xung quanh phong lồng ống nhựa, bên trong ống nhựa có lồng tanh thép; phía trước trán có dụng nút xếp, giữa trán tán ôzê gắn sao mũ hình tròn có ngôi sao ở giữa 2 cạnh từng, mỗi bên mang tán 2 ôzê thoát khí; phía trên lưỡi trai có dây trang trí tết kiểu đuôi sam màu vàng sẫm, hai đầu được đính bằng cúc kim loại hình tròn có ngôi sao ở giữa 2 cạnh từng; lưỡi trai bằng nhựa bọc nhung the màu đen, thấp dần về phía trước, mặt trên lưỡi trai gắn cạnh từng màu trắng bóng.

11. Ứng cao su:

a) Chất liệu: cao su tổng hợp;

b) Màu sắc: màu đen;

c) Kiểu dáng: kiểu ủng đúc liền, chống nước và chống trơn trượt.

Điều 17. Cấp hiệu

1. Cấp hiệu gồm cầu vai và cấp hàm được đeo trên hai vai áo trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Mẫu cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quy định về cầu vai:

Cầu vai của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chiều dài 13cm, phần đầu nhọn rộng 04cm, phần đuôi rộng 05cm, nền cấp hiệu bằng vải nỉ màu đỏ, cốt cấp hiệu bằng nhựa nguyên chất màu trắng; sao cấp hiệu bằng đồng tấm mạ vàng trắng bóng; có lé bằng vải màu xanh rộng 3mm; cúc cấp hiệu hình tròn có ngôi sao ở giữa 02 (hai) cạnh từng.

3. Quy định cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh lãnh đạo, quản lý:

a) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông: cầu vai được gắn 04 sao 23mm thành một hàng dọc cầu vai, có hai vạch phân cấp bằng kim loại màu trắng bóng nằm ngang cuối cầu vai;

b) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Phó Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông: cầu vai được gắn 03 sao 23mm

thành một hàng dọc cầu vai, có hai vạch phân cấp bằng kim loại màu trắng bóng nằm ngang cuối cầu vai;

c) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Trưởng phòng cấp Cục và tương đương của Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông: cầu vai được gắn 02 sao 23mm thành một hàng dọc cầu vai, có hai vạch phân cấp bằng kim loại màu trắng bóng nằm ngang cuối cầu vai;

d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Phó Trưởng phòng cấp Cục và tương đương của Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông: cầu vai được gắn 01 sao 23mm ở giữa cầu vai, có hai vạch phân cấp bằng kim loại màu trắng bóng nằm ngang cuối cầu vai.

4. Quy định cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

a) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên cao cấp: cầu vai gắn 03 sao thành một hàng dọc trên 03 vạch phân ngạch màu xanh dọc cầu vai;

b) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên chính: cầu vai gắn 02 sao thành một hàng dọc trên 02 vạch phân ngạch màu xanh dọc cầu vai;

c) Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên: cầu vai gắn 01 sao thành một hàng dọc trên 01 vạch phân ngạch màu xanh dọc cầu vai.

Điều 18. Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát trang phục

1. Trang phục cấp theo niên hạn

STT	Tên trang phục	Số lượng	Niên hạn cấp phát
1	Quần, áo thu đông (Quần thu đông, áo veston)		
	+ Từ Thừa Thiên - Huế trở ra	01 bộ	02 năm (lần đầu cấp 02 bộ)
	+ Từ Đà Nẵng trở vào	01 bộ	04 năm (lần đầu cấp 01 bộ)
2	Quần, áo xuân hè (Quần xuân hè, áo sơ mi dài tay xuân hè, áo sơ mi ngắn tay xuân hè)		
	+ Từ Thừa Thiên - Huế trở ra	01 bộ	01 năm (lần đầu cấp 02 bộ)
	+ Từ Đà Nẵng trở vào	02 bộ	01 năm (lần đầu cấp 02 bộ)

STT	Tên trang phục	Số lượng	Niên hạn cấp phát
3	Áo măng tô	01 cái	04 năm (lần đầu cấp 01 cái)
4	Áo sơ mi dài tay	01 cái	01 năm (lần đầu cấp 02 cái)
5	Juyp	01 cái	01 năm (lần đầu cấp 02 cái)
6	Giày da	01 đôi	02 năm (lần đầu cấp 01 đôi)
7	Dép quai hậu	01 đôi	01 năm (lần đầu cấp 01 đôi)
8	Thắt lưng da	01 cái	02 năm (lần đầu cấp 01 cái)
9	Bít tất	02 đôi	01 năm (lần đầu cấp 02 đôi)
10	Cà vạt	02 cái	04 năm (lần đầu cấp 02 cái)
11	Quần, áo mưa	01 bộ	01 năm (lần đầu cấp 01 bộ)
12	Ủng cao su	01 đôi	01 năm (lần đầu cấp 01 đôi)
13	Cặp tài liệu	01 cái	02 năm (lần đầu cấp 01 cái)

2. Trang phục cấp một lần: mũ kêpi, vành tùng, biển tên, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm. Trường hợp trang phục bị cũ, hư hỏng, bị mất hoặc thay đổi chức danh (cấp hàm) thì được cấp lại.

Điều 19. Quản lý, sử dụng trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm quản lý và sử dụng trang phục được cấp theo đúng quy định tại Thông tư này và quy định khác có liên quan.

2. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ, tham dự các hội nghị, ngày truyền thống và các buổi lễ khác liên quan đến hoạt động thanh tra.

3. Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm cấp trang phục cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc đơn vị mình quản lý theo đúng quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Kinh phí may, sắm trang phục

Kinh phí để may, sắm trang phục cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 01 năm 2025.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định bộ phận tham mưu và hoạt động thanh tra của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng các Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Thanh tra Bộ) để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng

DANH MỤC MỘT SỐ BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Mã số	Mẫu biểu
1	Phụ lục 01	Mẫu Quyết định phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành
2	Phụ lục 02	Mẫu Quyết định thôi phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành
3	Phụ lục 03	Mẫu Thẻ thanh tra chuyên ngành
4	Phụ lục 04	Mẫu Công văn đề nghị cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành
5	Phụ lục 05	Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành
6	Phụ lục 06	Mẫu Quyết định cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành
7	Phụ lục 07	Mẫu Công văn đề nghị thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành
8	Phụ lục 08	Mẫu Quyết định thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành
9	Phụ lục 09	Mẫu Quyết định chấm dứt việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành
10	Phụ lục 10	Mẫu Biện tên của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành
11	Phụ lục 11	Mẫu Cầu vai, Cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

Phụ lục 01

**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÂN CÔNG NGƯỜI ĐƯỢC GIAO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
CỤC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

Số:../QĐ-.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công người được giao
thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành**

CỤC TRƯỞNG CỤC.....

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-BTTTT ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành của Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ;
- Vụ TCCB;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG (*)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(): Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

Phụ lục 02
MẪU QUYẾT ĐỊNH THÔI PHÂN CÔNG NGƯỜI ĐƯỢC GIAO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-.....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thôi phân công người được giao
thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

CỤC TRƯỞNG CỤC.....

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BTTTT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (1) đối với ông/bà (2).....

Mã ngạch công chức:.....

Mã ngạch thanh tra (nếu có):.....

Chức vụ (nếu có):.....

Đơn vị/phòng ban:.....

Điều 2. Ông/bà có tên tại Điều 1 thôi hưởng chế độ, chính sách và các nhiệm vụ, quyền hạn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 có trách nhiệm nộp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành (3) cho bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành của Cục.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, *Trưởng đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành của Cục*, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ;
- Vụ TCCB;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG(4)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi lĩnh vực đã được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;
- (2): Họ và tên người thôi phân công;
- (3): Đối với trường hợp đã được cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành.
- (4): Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

Phụ lục 03**MẪU THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Thẻ thanh tra chuyên ngành hình chữ nhật, rộng 60 mm, dài 90 mm. Nội dung trên Thẻ thanh tra chuyên ngành được trình bày theo phông chữ của bộ mã ký tự chữ tiếng Việt (phông chữ Việt Unicode) theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001.

a) Mặt trước (hình 1) nền màu đỏ, chữ in hoa màu vàng, gồm 02 dòng:

Dòng trên ghi “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**”, kiểu chữ đậm, cỡ chữ 10.

Dòng dưới ghi “**THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**”, kiểu chữ đậm, cỡ chữ 16.

Giữa hai dòng là Quốc huy, đường kính 24 mm.

Hình (1). Mặt trước Thẻ thanh tra chuyên ngành:



b) Hình (2). Mặt sau Thẻ thanh tra chuyên ngành: Nền có hoa văn màu hồng tươi tạo thành các tia sáng lan tỏa từ tâm ra xung quanh; ở giữa có biểu tượng ngành Thanh tra, in bóng mờ, đường kính 20 mm; từ góc trên bên trái (cách 10 mm) đến góc dưới bên phải là gạch chéo màu đỏ rộng 06 mm; góc trên bên phải là vị trí mã QR code nhận diện hồ sơ của người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Nội dung trên mặt sau có các thông tin:

- Tên cơ quan “**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**” (ghi ở hàng thứ nhất bên trái); “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” (ghi ở hàng

thứ nhất bên phải); **“Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”** (ghi ở hàng thứ hai bên phải): chữ in hoa đậm, màu đen, cỡ chữ 8.

- Tên thẻ **“THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH”** chữ in hoa đậm, màu đỏ, cỡ chữ 12.

- Họ và tên: ghi họ và tên của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (ghi ở hàng thứ ba): chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.

- Chức vụ/ngạch: ghi chức vụ hoặc ngạch công chức (chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp) của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (ghi ở hàng thứ tư): chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.

- Đơn vị công tác: tên Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, chữ in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10.

- Ngày, tháng, năm cấp Thẻ: chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 10.

- Ảnh chân dung của người được cấp Thẻ, khổ 20mm x 30mm, ở vị trí phía dưới bên trái Thẻ; mẫu con dấu của Bộ Thông tin và Truyền thông, đường kính 21mm.

- **“BỘ TRƯỞNG”**: chữ in hoa, đậm, màu đen, cỡ chữ 8.

- Chữ ký, họ và tên của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: chữ in đậm, màu đen, cỡ chữ 8.

- Dấu của Bộ Thông tin và Truyền thông (đường kính 21 mm).

- Hạn sử dụng: chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 10; dòng dưới ghi ngày hết hạn bằng số in thường, đậm, màu đen, cỡ chữ 10 (ví dụ: 30/3/2029).

Hình (2). Mặt sau Thẻ thanh tra chuyên ngành:

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		QR
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>		
Ảnh chân dung	THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH			
	Số: A33-X-Y			
	Họ và tên: Chức vụ/ngạch: Đơn vị công tác: Cục ngày ... tháng ... năm			
Hạn sử dụng:			BỘ TRƯỞNG	

Phụ lục 04**MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI/CẤP ĐỔI/CẤP LẠI
THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG
CỤC.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

Số:

V/v đề nghị cấp mới/cấp đổi/cấp lại
Thẻ thanh tra chuyên ngành

Kính gửi: Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ quy định tại điểm... khoản... Điều... Thông tư số.../2024/TT-BTTTT ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, Cục.... đề nghị Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, trình Bộ trưởng phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành của Cục, cụ thể như sau:

1. Danh sách tổng hợp thông tin của người được đề nghị cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành tại phụ lục kèm theo.

2. Gửi kèm theo công văn này các hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Thông tư số.../2024/TT-BTTTT, gồm:

(1)

(2)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu

THỦ TRƯỞNG (*)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(): Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.*

Phụ lục 05

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Kính gửi: Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông

Họ và tên.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Mã ngạch công chức:.....

Mã ngạch thanh tra (nếu có):.....

Chức vụ (nếu có).....

Đơn vị công tác/phòng ban:.....

Tôi làm Đơn này đề nghị được cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành, cụ thể như sau:

1. Thông tin về Thẻ thanh tra chuyên ngành đề nghị cấp lại:

Mã số Thẻ.....; ngày cấp..... (theo Quyết định phân công giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành: số, ngày ban hành)

2. Lý do mất Thẻ:.....

3. Thông tin ghi trên Thẻ thanh tra chuyên ngành có thay đổi (nếu có):
.....

Tôi cam kết các nội dung báo cáo nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã nêu trong Đơn./.

..., ngày... tháng... năm...
XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG (*)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm...
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

(*): Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

Phụ lục 06**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP MỚI/CẤP ĐỔI/CẤP LẠI
THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH**Cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-BTTTT ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành cho các ông/bà có tên tại danh sách kèm theo.

Điều 2. Người được cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm quản lý, sử dụng Thẻ Thanh tra chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có công chức được cấp Thẻ và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Bộ;
- Vụ TCCB;
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

DANH SÁCH
NGƯỜI ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN
NGÀNH ĐƯỢC CẤP MỚI/CẤP ĐỔI/CẤP LẠI THẺ THANH TRA
CHUYÊN NGÀNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

STT	Họ và tên	Mã số Thẻ	Ghi chú
1			<i>Cấp mới/cấp đổi/cấp lại Thẻ</i>
2			
3			
...			

Phụ lục 07**MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ THU HỒI/TẠM ĐÌNH CHỈ
SỬ DỤNG THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG
CỤC.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

Số:.....

V/v đề nghị thu hồi/tạm đình chỉ
sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành

Kính gửi: Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông

Căn cứ quy định tại điểm..... khoản... Điều..... Thông tư số...../2024/TT-BTTTT ngày.... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, Cục... đề nghị Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành của Cục, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Mã ngạch công chức	Mã ngạch thanh tra (nếu có)	Chức vụ (nếu có)	Đơn vị công tác	QĐ phân công giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành	Mã số Thẻ đã cấp (mã số, ngày cấp)	Lý do thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											

Gửi kèm theo công văn này các hồ sơ, tài liệu liên quan, bao gồm:

- (1)
- (2)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu

THỦ TRƯỞNG (*)

(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

(*): Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng được ủy quyền.

Phụ lục 08**MẪU QUYẾT ĐỊNH THU HỒI/TẠM ĐÌNH CHỈ
SỬ DỤNG THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-BTTTT ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành (Mã số Thẻ....) của ông/bà...

Thời hạn tạm đình chỉ: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (*Trường hợp xác định được thời gian cụ thể*); từ ngày tháng năm (*Trường hợp chưa xác định được thời hạn tạm đình chỉ*).

Lý do thu hồi/tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành:.....

Điều 2. Ông/bà... có trách nhiệm bàn giao lại Thẻ Thanh tra chuyên ngành cho Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành kể từ khi nhận được Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Bộ;
- Cục... (để th/h);
- Lưu: VT,...

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Phụ lục 09
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤM DỨT VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ
SỬ DỤNG THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Chấm dứt việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số.../2024/TT-BTTTT ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BTTTT ngày.... tháng.... năm..... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành.

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành (Mã số Thẻ...) của ông/bà...

Điều 2. Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm bàn giao lại Thẻ Thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

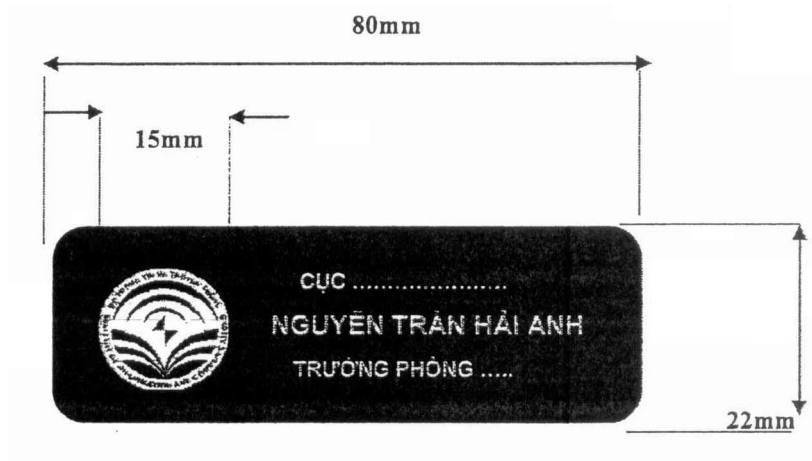
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Bộ;
- Cục ... (để th/h);
- Lưu: VT,...

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 10**MẪU BIỂN TÊN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC GIAO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*



Phụ lục 11**MẪU CẦU VAI, CẤP HÀM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BTTTT ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông



2. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Phó Cục trưởng Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông



3. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Trưởng phòng cấp Cục và tương đương của Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông



4. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành có chức danh Phó Trưởng phòng cấp Cục và tương đương của Cục được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông



5. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên cao cấp không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:



6. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên chính không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:



7. Cầu vai, cấp hàm của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành là Chuyên viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

